

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HOÀ
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29/4/2025

v/v Tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HOÀ - PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thùy Trân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo và ông Nguyễn Ngọc Đức.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Cao Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: **Bà Phạm Thị Hương Trầm – Kiểm sát viên.**

Ngày 29/4/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 02/2025/TLST- HNGĐ ngày 08/01/2025, về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/3/2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 28/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08/4/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Minh L, sinh năm 1986;

HKTT: P, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Trú tại: Thôn N, xã H, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Đặng Huy C, sinh năm 1986;

Trú tại: P, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh P. Địa chỉ: C T, Phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn đề ngày 18 tháng 12 năm 2024, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và Đơn xin giải quyết vắng mặt, nguyên đơn Phạm Thị Minh L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Minh L và ông Đặng Huy C tự nguyện tìm hiểu và đi đến đăng ký tại UBND xã H, thành phố T, tỉnh Phú Yên và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 20/6/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, ông C chơi cờ bạc, nợ nần trầm trọng trong một thời gian dài và đã bỏ đi làm ăn xa. Nguyên đơn đã cố gắng nhìn nhận lại bản thân và cố gắng hoà hợp với ông C để gia đình có cuộc sống êm ấm nhưng không được. Nguyên đơn xét thấy tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, không còn tiếng nói chung nên đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với ông Đặng Huy C.

- Về con chung: Vợ chồng có ba con chung tên Đặng Phạm Tuyết N, sinh ngày 28/01/2008, Đặng Văn R, sinh ngày 25/9/2015 và Đặng Tuyết N1, sinh ngày 17/02/2012. **Hiện nay, nguyên đơn đang nuôi dưỡng ba con chung nên yêu cầu tiếp tục được nuôi các con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con.**

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng có vay Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh P số tiền 50.000.000 đồng, đến nay còn nợ 11.000.000 đồng. Nguyên đơn cam kết trả nợ và không yêu cầu giải quyết.

Nguyên đơn bà L có đơn xin giải quyết vắng mặt.

* *Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời trình bày.*

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh P do bà Đặng Thị Á làm đại diện theo uỷ quyền trình bày: Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh P có cho vợ chồng bà L và ông C vay số tiền 50.000.000 đồng. Đến ngày 18/3/2025 còn nợ số tiền 11.000.000 đồng. Qua làm việc với bà L đã cam kết tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng không đề nghị Toà án giải quyết khoản vay này của bà L và ông C trong vụ án ly hôn và xin giải quyết vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.*

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa phát biểu:

+ Về việc tuân theo thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt dù được triệu tập hợp lệ nên căn cứ vào các Điều **227, 228 và Điều 238 BLTTDS** để xét xử vắng mặt các đương sự.

+ Về nội dung: **Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.** Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà L được ly hôn với bị đơn ông C. Về con chung: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà L được trực tiếp nuôi dưỡng ba con chung Đặng Phạm Tuyết N, sinh ngày 28/01/2008, Đặng

Văn R, sinh ngày 25/9/2015 và Đặng Tuyết N1, sinh ngày 17/02/2012. Bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Tài sản chung và nợ chung: không xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thành phố T nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý thuộc thẩm quyền. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án căn cứ Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Minh L và ông Đặng Huy C tự nguyện tìm hiểu và đi đến đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã H, thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 20/6/2007 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Xét thấy: Quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống chung không có tiếng nói chung và không có hạnh phúc. Hai bên đã sống ly thân nhau từ hai năm nay, không ai còn quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân của bà L và ông C đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được và mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên đơn Phạm Thị Minh L yêu cầu xin ly hôn với bị đơn Đặng Huy C là chính đáng, có căn cứ. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L được ly hôn với ông C.

[2.3] Về con chung: Bà Phạm Thị Minh L và ông Đặng Huy C có ba con tên Đặng Phạm Tuyết N, sinh ngày 28/01/2008, Đặng Văn R, sinh ngày 25/9/2015 và Đặng Tuyết N1, sinh ngày 17/02/2012. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân nhau các **con đều do bà L trực tiếp nuôi dưỡng, nay ly hôn** bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung là phù hợp nguyện vọng của các con. Do đó, để đảm bảo cuộc sống và ổn định tâm sinh lý của con chung sau ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao ba con chung cho nguyên đơn bà L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung, mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[4] *Nợ chung*: Bà L và ông C có vay của Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh P khoản vay 50.000.000 đồng, đến ngày 18/3/2025 còn nợ 11.000.000 đồng. Bà L đã cam kết thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng và Ngân hàng không đề nghị Toà án giải quyết khoản vay nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014; Điều 147, 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị Minh L;
+ *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn Phạm Thị Minh L được ly hôn với bị đơn Đặng Huy C.

+ *Về con chung*: Giao ba con chung tên Đặng Phạm Tuyết N, sinh ngày 28/01/2008, Đặng Văn R, sinh ngày 25/9/2015 và Đặng Tuyết N1, sinh ngày 17/02/2012 cho nguyên đơn Phạm Thị Minh L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

+ *Về cấp dưỡng nuôi con*: Không xét.

Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc người nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

+ *Về tài sản chung, nợ chung*: Không xét.

+ *Về án phí*: Nguyên đơn Phạm Thị Minh L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005749 ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

+ *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên ;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- **UBND xã Hoà Kiến, TP Tuy Hòa;**
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP . Tuy Hòa;
- Lưu.

Bùi Thị Thùy Trân

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Đức Nguyễn Thị Thu ThảoBùi Thị Thùy Trân

